

Số: 83/2025/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 30 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 107/2021/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030;

Xét Tờ trình số 11890/TTr-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban tỉnh hành Nghị quyết Quy định nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ theo Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai

đoạn 2021-2030 theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 107/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản.

Điều 2. Nội dung ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí hoặc hỗ trợ một phần kinh phí

1. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia.

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống căn cứ định mức kinh tế kỹ thuật và các văn bản có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

Nhập nội, mua bản quyền giống mới đối với những giống trong nước chưa có; bình tuyển cây đầu dòng, chọn lọc cây trội do các đơn vị thực hiện; chăm sóc vườn cây đầu dòng, rừng giống, vườn giống để cung cấp vật liệu nhân giống do các đơn vị thực hiện.

Nhập công nghệ sản xuất giống theo giá trị chuyển nhượng bản quyền, bao gồm cả chi phí thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và các chi phí khác có liên quan (nếu có); hoàn thiện công nghệ sản xuất giống đối với các công nghệ đã được cấp có thẩm quyền ban hành.

Đào tạo, tập huấn quy trình công nghệ nhân giống; kiểm soát chất lượng giống; kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần chi phí sản xuất giống thực hiện dự án phát triển sản xuất giống, gồm:

Lĩnh vực trồng trọt: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí sản xuất giống; sản xuất giống siêu nguyên chủng, giống bố mẹ dùng để sản xuất hạt lai F1; hỗ trợ tối đa 25% chi phí sản xuất hạt lai F1, chi phí sản xuất cây giống từ vườn cây đầu dòng.

Lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ tối đa 40% chi phí sản xuất giống; hỗ trợ tối đa 25% chi phí nhân giống cây lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô.

Lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ tối đa 10% chi phí sản xuất giống bố mẹ.

Lĩnh vực thủy sản: Hỗ trợ 40% chi phí sản xuất giống.

2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để phát triển sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản khác

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn cụ thể, xem xét, quyết định lựa chọn các giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực của tỉnh, giống khác (không thuộc giống chủ lực quốc gia) để hỗ trợ theo chính sách của Chương trình Phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030. Nội dung và tỷ lệ hỗ trợ bằng 60% mức hỗ trợ kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 3. Nội dung chi, định mức chi

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế kỹ thuật, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định thêm một số nội dung chi, định mức chi như sau:

1. Hỗ trợ sản xuất giống

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó đơn giá nhân công được xác định như sau:

a) Công lao động kỹ thuật được tính bằng 60% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Công lao động phổ thông được tính bằng 40% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Hỗ trợ đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án

a) Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi thù lao giảng viên; phụ cấp tiền ăn giảng viên; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chi thù lao trợ giảng; phụ cấp tiền ăn trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

c) Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe) và các khoản chi trực tiếp khác: Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng của đơn vị tổ chức với nhà cung cấp dịch vụ theo các quy định của pháp luật.

d) Chi hỗ trợ tài liệu học, tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở cho học viên

Hỗ trợ 80% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) cho học viên. Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% tiền ăn theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên; riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ.

3. Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 80% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và nguồn kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất giống.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 208/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Quy định nội dung được ngân sách nhà nước bảo

đảm hoặc hỗ trợ một phần kinh phí và mức chi thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy định về định mức chi dẫn chiếu áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XIX, Kỳ họp chuyên đề thứ Năm thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- UBND, VPCP;
- Các bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- ĐU, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Công báo;
- Lưu: VT, HĐ^{2,11}

CHỦ TỊCH

Bùi Đức Hình